

Đồng man-gan

## bedra 66800

### Mã vật liệu\*

UNS	C66800
EN	/
JIS	/
GB	HMn61-3-1

### Thành phần hóa học

Cu	60-63	%
Mn	2.0-3.5	%
Si	0.5-1.5	%
Pb	≤0.5	%
Sn	≤0.3	%
Fe	≤0.35	%
Ni	≤0.25	%
Al	≤0.25	%
Zn	Còn lại	%

### Tính năng

Hợp kim này là hợp kim hai pha ( $\alpha+\beta$ ) đa nguyên tố dựa trên đồng trong series sản phẩm hợp kim đồng-kẽm-mangan. Việc bổ sung silic và mangan giúp cải thiện độ bền và khả năng chống mài mòn của hợp kim, đồng thời việc bổ sung chì giúp tăng cường khả năng chống mài mòn và khả năng gia công của nó. Đây là một hợp kim đồng có độ bền cao và khả năng chống mài mòn tốt.

### Tính chất vật lý\*

Mật độ <sup>1</sup>	8.2	g/cm <sup>3</sup>
Độ dẫn điện <sup>1</sup>	13	%IACS
Độ dẫn nhiệt <sup>1</sup>	63	W/(m·K)
Hệ số giãn nở nhiệt <sup>2</sup>	20.4	10 <sup>-6</sup> /K
Mô đun đàn hồi	110	GPa

Chú ý: 1. Nhiệt độ thử nghiệm 20°C  
2. Khoảng nhiệt độ thử nghiệm 20-300°C



### Ứng dụng điển hình

Sản phẩm được áp dụng cho các bộ phận thủy lực như giày trượt, khối trượt, khóa đĩa hồi vị và đế van điều chỉnh.

### Thuộc tính chế tạo

Gia công lạnh	Kém
Gia công nóng	Tốt
Hàn trở	Tốt
Hàn điện trở	Không được khuyến khích
Gia công nóng so sánh với C37700	100%
Tính năng gia công so với đồng C36000	80%

Đồng man-gan

# bedra 66800

## Tính năng gia công

Đường kính	Trạng thái	Độ bền kéo	Giới hạn chảy	Độ giãn dài	Độ cứng
mm		MPa min.	MPa min.	% min.	HB min.
$6 \leq \Phi < 25$	HR50	485	345	15	120
$15 \leq \Phi < 50$	HR50	440	320	15	110
$50 \leq \Phi < 150$	M30	380	172	20	95

## Dung sai và phương thức vận chuyển

Đường kính	Dung sai*	Hình bầu dục	Thanh thẳng	
			Độ dài	Độ thẳng
mm	mm	mm max.	mm max.	mm/m max
$6 \leq \Phi < 10$	0.06	0.03	4000	0.3
$10 \leq \Phi < 18$	0.07	0.03	4000	0.3
$18 \leq \Phi < 30$	0.08	0.04	4000	0.5
$30 \leq \Phi < 50$	0.16	0.08	4000	0.5
$50 \leq \Phi < 60$	0.80	0.40	4000	1.0
$60 \leq \Phi < 80$	1.60	0.80	3000	1.0
$80 \leq \Phi < 120$	2.00	1.00	2500	5.0

\*Dung sai được liệt kê trong bảng được chỉ định là tất cả cộng hoặc tất cả trừ. Khi dung sai được chỉ định là cộng và trừ ( $\pm$ ), giá trị còn lại một nửa.

*Thành phần	CDA
Độ dẫn điện	Chỉ để tham khảo
Tính năng gia công	Chỉ để tham khảo
Thuộc tính chế tạo	Chỉ để tham khảo
Các tính chất vật lý khác	Chỉ để tham khảo

Bảng dữ liệu này chỉ là các thông tin chung tham khảo và có thể chưa được cập nhật. Bảng không có giá trị yêu cầu bồi thường trừ khi có bằng chứng về lỗi cố ý hoặc sơ xuất cơ bản. Các thông tin đưa ra tương ứng với các tiêu chuẩn như ASTM, BS EN, JIS, RWMA và chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị dẫn chứng để yêu cầu bảo hành. Thông tin đưa ra không dùng để thay thế kết quả phân tích của khách hàng.